

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thom.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Vương Đạo.

Bà Lê Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

***- Bị đơn:*** Chị Trần Kim T2, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Văn T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh T1 và chị Trần Kim T2 kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T2 làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng xa cách, chị T2 chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên anh T1 yêu cầu được ly hôn với chị T2.

- Về con chung: Anh T1 và chị T2 có 01 con chung là cháu Đinh Thị Bảo T, sinh ngày 27/9/2008. Anh T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh T1 không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Trần Kim T2 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị T2 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T1 có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị T2 vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Đinh Văn T1 yêu cầu ly hôn với chị Trần Kim T2 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Kim T2 có nơi cư trú tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đinh Văn T1 có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Trần Kim T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T1, chị T2.

[3] Về hôn nhân: Anh T1 và chị T2 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 13/02/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa anh T1 và chị T2 xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng chị T2 vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ chị T2 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị với anh T1.

Thấy rằng, giữa anh T1 và chị T2 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T2 đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T1 và chị T2 có 01 con chung là Đinh Thị Bảo T, sinh ngày 27/9/2008. Khi ly hôn, anh T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị T2 trong đó có nêu rõ yêu cầu về con chung của anh T1, nhưng chị T2 không thể hiện ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung.

Do chị T2 vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với anh T1 về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu T nên cần thiết giao cháu cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T muốn được sống chung với anh T1. Nếu sau này anh T1 và chị T2 có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1 trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh T1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Văn T1, anh T1 được ly hôn với chị Trần Kim T2.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Bảo T, sinh ngày 27/9/2008 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008032 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên anh T1 đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T1, chị T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**